



BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Chất lượng cao tạo nên giá trị bền vững

BẢN TIN SỐ VỀ PHÁP LUẬT

THÁNG 10/2026



MỤC LỤC

1. Văn bản ban hành trong tháng 10/2026.....	3
2. Văn bản có hiệu lực tháng 10/2026.....	9
3. Bản án xét xử phúc thẩm của Toà án nhân dân cấp cao (từ ngày 20/09/2026-20/10/2026).....	11

1. Văn bản pháp luật ban hành tháng 10/2026

1.1. Luật Hành chính

1.1.1. Bộ Tư pháp được bổ sung chức năng bảo vệ, bảo đảm quyền con người

Ngày 08/10/2026, Chính phủ đã ban hành [Nghị định 383/2026/NĐ-CP](#) sửa đổi, bổ sung một số điều của [Nghị định 09/2026/NĐ-CP](#) về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01/11/2026.



Nghị định 383/2026/NĐ-CP bổ sung chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ, bảo đảm quyền con người cho Bộ Tư pháp.

Theo đó, Bộ Tư pháp theo dõi, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, phổ biến, giáo dục pháp luật và kiểm tra việc thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật về quyền con người theo quy định của pháp luật; làm đầu mối tham mưu tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, bảo đảm quyền con người.

1.1.2. Quy định về kiểm soát thủ tục hành chính

Ngày 09/10/2026, Chính phủ đã ban hành [Nghị định 385/2026/NĐ-CP](#) về kiểm soát thủ tục hành chính, có hiệu lực từ ngày 10/10/2026.



Theo đó, các cơ quan không được tự đặt ra thủ tục hành chính, hồ sơ, giấy tờ ngoài quy định của pháp luật.

Cá nhân, tổ chức là đối tượng thực hiện thủ tục hành chính có quyền từ chối thực hiện những yêu cầu không được quy định trong thủ tục hành chính hoặc chưa được công khai theo quy định.

Đồng thời, đối tượng thực hiện thủ tục có quyền phản ánh, kiến nghị với cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền về những bất hợp lý của thủ tục hành chính và các hành vi vi phạm của công chức, viên chức trong quá trình thực hiện.

1.1.3. Quy định về giải quyết khiếu nại trong Công an nhân dân

Ngày 07/10/2026, Bộ Công an đã ban hành [Thông tư 172/2026/TT-BCA](#) quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại trong Công an nhân dân. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 21/11/2026.



Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trưởng phòng và các thủ trưởng đơn vị tương đương có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình và của cán bộ, chiến sĩ do mình quản lý trực tiếp.

Cục trưởng, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố giải quyết khiếu nại lần đầu và lần hai đối với các quyết định hành chính, hành vi hành chính thuộc thẩm quyền.

Bộ trưởng Bộ Công an giải quyết khiếu nại lần đầu và lần hai đối với các quyết định hành chính, hành vi hành chính có nội dung thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Công an.

1.1.4. Kinh doanh casino không đúng địa điểm được cấp phép bị phạt đến 200 triệu đồng

Ngày 20/10/2026, Chính phủ ban hành [Nghị định 391/2026/NĐ-CP](#) quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh đặt cược và trò chơi có thưởng, có hiệu lực từ ngày 05/12/2026.



Một trong những điểm đáng chú ý là hành vi tổ chức kinh doanh casino không đúng địa điểm được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh casino theo quy định của pháp luật mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự sẽ bị phạt tiền từ 180 - 200 triệu đồng.

Bên cạnh phạt tiền, hành vi vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là đình chỉ hoạt động kinh doanh casino từ 06 - 12 tháng.

Đồng thời buộc khôi phục Điểm kinh doanh đáp ứng đầy đủ các điều kiện và theo đúng địa điểm được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh.

Mức phạt tiền nêu trên áp dụng đối với tổ chức. Trường hợp cá nhân có cùng hành vi vi phạm thì mức phạt tiền đối với cá nhân bằng 1/2 mức phạt tiền đối với tổ chức.

1.2. Luật Kinh tế

1.2.1. Công an cấp xã cấp giấy chứng nhận an ninh, trật tự cho quán karaoke, tiệm cầm đồ



Ngày 20/10/2026, Chính phủ đã ban hành [Nghị định 392/2026/NĐ-CP](#) sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến thủ tục hành chính và điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực an ninh, trật tự. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 15/11/2026.

Theo Điều 9 Nghị định 392/2026/NĐ-CP sửa đổi khoản 3 Điều 24 Nghị định 96/2016/NĐ-CP, Công an cấp xã có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và quản lý các cơ sở kinh doanh thuộc thẩm quyền, bao gồm:

- Kinh doanh dịch vụ karaoke;
- Kinh doanh dịch vụ cầm đồ;
- Kinh doanh dịch vụ xoa bóp;
- Kinh doanh dịch vụ lưu trú từ 29 phòng cho thuê lưu trú trở xuống;
- Kinh doanh dịch vụ in;
- Kinh doanh các loại pháo, trừ pháo nổ;
- Các đơn vị sự nghiệp có thu hoạt động kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự của cơ quan, tổ chức không thuộc khoản 2 Điều 24 Nghị định 96/2016/NĐ-CP.

Thời hạn hoàn thành việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự là

Không quá 04 ngày làm việc đối với trường hợp cấp mới và không quá 03 ngày làm việc đối với trường hợp cấp đổi, tính kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.2.2. Vàng trang sức không còn là ngành nghề kinh doanh có điều kiện



Ngày 16/10/2026, Chính phủ đã ban hành [Nghị định 390/2026/NĐ-CP](#) sửa đổi, bổ sung một số điều của [Nghị định 24/2012/NĐ-CP](#) về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, có hiệu lực từ ngày ban hành.

Theo đó, Nghị định 390/2026 xác định hoạt động sản xuất, gia công, kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ không phải là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

Đồng thời, chỉ giữ hoạt động sản xuất vàng miếng và kinh doanh mua, bán vàng miếng trong nội dung yêu cầu cấp giấy phép tương ứng.

Dù bỏ điều kiện kinh doanh, doanh nghiệp vẫn phải tuân thủ pháp luật về chất lượng, đo lường, nhãn hàng hóa, giá, hóa đơn, thuế, phòng cháy, môi trường,

bảo vệ người tiêu dùng và phòng, chống rửa tiền.

1.2.3. Các hoạt động doanh nghiệp FDI phải có Giấy phép kinh doanh từ 18/10/2026

Nghị định 342/2026/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Thương mại và Quản lý ngoại thương, ban hành và có hiệu lực từ ngày 18/10/2026.



Theo đó, giấy phép kinh doanh được cấp cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện 9 hoạt động sau:

- Thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa, không bao gồm hàng hóa quy định tại điểm d khoản 4 Điều 9 Nghị định 342/2026/NĐ-CP;
- Thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn hàng hóa;
- Thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa;
- Cung cấp dịch vụ logistics, trừ các phân ngành dịch vụ logistics mà Việt Nam có cam kết mở cửa thị trường trong các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;
- Cho thuê hàng hóa, không bao gồm cho thuê tài chính; trừ cho thuê trang thiết bị

xây dựng có người vận hành;

- Cung cấp dịch vụ xúc tiến thương mại, không bao gồm dịch vụ quảng cáo;
- Cung cấp dịch vụ trung gian thương mại;
- Quản lý và vận hành nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại tích hợp;
- Cung cấp dịch vụ tổ chức đấu thầu hàng hóa, dịch vụ.

1.2.4. Quy định xác định xuất xứ Việt Nam cho hàng hóa trong nước

Ngày 09/10/2026, Chính phủ đã ban hành [Nghị định số 384/2026/NĐ-CP](#) quy định về việc xác định xuất xứ Việt Nam đối với hàng hóa sản xuất và lưu thông trong nước. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01/01/2027.

Hàng hóa được coi là có xuất xứ Việt Nam nếu thuộc một trong hai loại: hàng hóa có xuất xứ thuần túy hoặc không thuần túy.



Hàng hóa có xuất xứ thuần túy bao gồm các sản phẩm từ cây trồng, động vật, khoáng sản, và các sản phẩm từ biển được khai thác theo luật pháp quốc tế.

Hàng hóa có xuất xứ không thuần túy được xác định qua chuyển đổi mã số hàng hóa hoặc có hàm lượng giá trị Việt Nam (VVC) tối thiểu 30%.

Thương nhân, tổ chức, cá nhân phải tuân thủ quy định về xuất xứ hàng hóa, chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin công bố và lưu trữ hồ sơ chứng minh xuất xứ.

1.2.5. Sửa đổi thủ tục hải quan và quản lý thuế cho hàng hóa biên giới

Ngày 15/10/2026, Bộ Tài chính đã ban hành [Thông tư 154/2026/TT-BTC](#) sửa đổi, bổ sung một số điều của [Thông tư 80/2019/TT-BTC](#). Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01/01/2027.



Thương nhân mua gom hàng hóa nhập khẩu từ cư dân biên giới phải thực hiện thủ tục hải quan như hàng hóa nhập khẩu qua cửa khẩu biên giới. Thời hạn nộp hồ sơ hải quan là 30 ngày kể từ ngày mua gom hàng hóa. Hàng hóa phải được tập kết tại các địa điểm quy định và chỉ được vận chuyển vào nội địa sau khi hoàn thành thủ tục hải quan và nộp đầy

đủ thuế.

Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của thương nhân và hàng hóa nhập khẩu từ cư dân biên giới sẽ chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan từ khi tập kết tại khu vực cửa khẩu cho đến khi hoàn thành thủ tục hải quan. Cơ quan Hải quan sẽ kiểm tra hồ sơ và thực thể hàng hóa theo quy định hiện hành.

1.3. Luật Lao động

1.3.1. Quy định mới về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam

Ngày 20/10/2026, Chính phủ đã ban hành [Nghị định 393/2026/NĐ-CP](#) quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 05/12/2026.



Theo đó, người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam có thể tham gia vào nhiều hình thức công việc khác nhau như thực hiện hợp đồng lao động, di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp, cung cấp dịch vụ theo hợp đồng, và nhiều hình thức khác. Người sử dụng lao động bao gồm các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, nhà

thầu và cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền cấp, cấp lại, gia hạn và thu hồi giấy phép lao động. Các giấy tờ cần thiết phải được hợp pháp hóa lãnh sự và dịch ra tiếng Việt. Thời hạn của giấy phép lao động không quá 2 năm và có thể gia hạn một lần với thời hạn tối đa là 2 năm.

Một số trường hợp không cần giấy phép lao động bao gồm: chủ sở hữu hoặc thành viên góp vốn từ 3 tỷ đồng trở lên, người cung cấp dịch vụ tư vấn chuyên môn, phóng viên báo chí, và một số trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

1.3.2. Danh mục công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động

Ngày 20/10/2026, Bộ Nội vụ đã ban hành [Thông tư 27/2026/TT-BNV](#) về việc ban hành Danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01/01/2027.

- Danh mục công việc nghiêm ngặt
Thông tư ban hành danh mục các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động. Danh mục này bao gồm các công việc như chế tạo, lắp ráp, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, và kiểm tra các máy móc, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn. Các công việc liên quan

đến hóa chất nguy hiểm, độc hại, thuốc nổ, và các công việc xây dựng, lắp đặt, vận hành, bảo trì công trình cũng nằm trong danh mục này.



- Công việc trong môi trường đặc biệt

Các công việc thực hiện trong môi trường đặc biệt như làm việc trên cao, trên sông, biển, tiếp xúc với bức xạ ion hóa, phóng xạ, và các công việc trong không gian hạn chế cũng được liệt kê. Ngoài ra, các công việc liên quan đến sản xuất, chế biến thực phẩm, dược phẩm, và các công việc trong lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe cũng được chú trọng.

- Công việc trong lĩnh vực đặc thù

Danh mục bao gồm các công việc đặc thù trong lĩnh vực quân đội, công an, và các công việc liên quan đến vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các hệ thống máy móc, thiết bị trong nông nghiệp và công nghiệp.

2. Văn bản pháp luật có hiệu lực tháng 10/2026

2.1. Luật Hành chính

Áp dụng thí điểm chế định luật sư công
Nghị định số 364/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành

Nghị quyết số 24/2026/QH16 của Quốc hội về việc thí điểm thực hiện chế định luật sư công chính thức áp dụng từ ngày 01/10/2026.

[Nghị định số 364/2026/NĐ-CP](#) quy định rõ việc đào tạo nghề luật sư cho người muốn trở thành luật sư công.

Cụ thể, Nghị định quy định người có Bằng cử nhân luật hoặc thạc sĩ luật được tham dự khóa đào tạo nghề luật sư tại cơ sở đào tạo nghề luật sư để trở thành luật sư công. Thời gian đào tạo nghề luật sư là 12 tháng.

Người hoàn thành chương trình đào tạo nghề luật sư được cơ sở đào tạo nghề luật sư cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư.

Những người được miễn đào tạo nghề luật sư để trở thành luật sư công bao gồm:

- Giáo sư, phó giáo sư chuyên ngành luật; tiến sĩ luật;
- Đã từng là thẩm phán Tòa án nhân dân bậc 2, bậc 3; kiểm sát viên trung cấp, kiểm sát viên cao cấp; điều tra viên trung cấp, điều tra viên cao cấp; chấp hành viên cao cấp; thẩm tra viên cao cấp;
- Đã từng là chấp hành viên trung cấp, thẩm tra viên chính;
- Chuyên viên cao cấp, pháp chế viên cao cấp, thanh tra viên cao cấp, nghiên cứu viên cao cấp, giảng viên cao cấp trong lĩnh vực pháp luật;

- Chuyên viên chính, pháp chế viên chính, thanh tra viên chính, nghiên cứu viên chính, giảng viên chính trong lĩnh vực pháp luật;

- Đã từng là trợ giúp viên pháp lý và có giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư.

2.2. Luật Kinh tế

Doanh nghiệp phát hành trái phiếu phải cập nhật thông tin trong 10 ngày kể từ ngày thay đổi

[Thông tư 138/2026/TT-BTC](#) của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của [Nghị định 200/2026/NĐ-CP](#) về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và quốc tế. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01/10/2026.



Theo khoản 2 Điều 4 Thông tư 13/2026/TT-BTC, khi có thay đổi về thông tin doanh nghiệp phát hành đã đăng ký với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam theo khoản 1 Điều 4 Thông tư này, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thay đổi và không chậm hơn 05 ngày làm việc trước ngày trái phiếu đáo hạn, doanh nghiệp phát hành phải thực hiện điều chỉnh thông tin với

Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.3. Luật Hình sự

Khắc phục thiệt hại do vi phạm đất đai, bị cáo có thể được giảm đến 4/5 hình phạt



Nghị quyết 04/2026/NQ-HĐTP hiệu lực từ 15/10/2026 đã xác định cụ thể tỷ lệ khắc phục hậu quả thiệt hại tương ứng với mức hình phạt mà bị cáo có thể được xem xét giảm.

Quy định này được áp dụng khi bị cáo, tổ chức hoặc cá nhân liên quan đã khắc phục một phần nhưng chưa khắc phục được toàn bộ hậu quả thiệt hại.

Theo quy định khoản 5 Điều 5 [Nghị quyết 04/2026/NQ-HĐTP](#): Trường hợp bị cáo, tổ chức, cá nhân liên quan không khắc phục được toàn bộ hậu quả thiệt hại thì căn cứ vào hiệu quả kinh tế - xã hội cho địa phương, đất nước và mức độ khắc phục hậu quả thiệt hại tại thời điểm xét xử, Tòa án xem xét, giảm mức hình phạt tương ứng với tỷ lệ khắc phục hậu quả thiệt hại như sau:

- Đã khắc phục đến 1/4 hậu quả thiệt hại thì có thể được giảm tối đa đến 1/4 mức hình phạt;
- Đã khắc phục từ trên 1/4 đến 1/2 hậu quả thiệt hại thì có thể được giảm tối đa đến 1/2 mức hình phạt;
- Đã khắc phục từ trên 1/2 đến 3/4 hậu quả thiệt hại thì có thể được giảm tối đa đến 2/3 mức hình phạt;
- Đã khắc phục từ trên 3/4 đến dưới toàn bộ hậu quả thiệt hại thì có thể được giảm tối đa đến 4/5 mức hình phạt.

3. Bản án xét xử phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao (từ ngày 20/09/2026-20/10/2026)

(Nguồn: congbobanan.toaan.gov.vn)

3.1. Luật Hành chính

Bản án: số 1070 ngày 22/09/2026 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tên bản án: Khiếu kiện hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án:

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện là ông Nguyễn Trung A (do ông Nguyễn Đình H1 là người đại diện theo ủy quyền).
- Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2026/HC-ST ngày 28/01/2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đ).

Bản án: số 1071 ngày 22/09/2026 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tên bản án: Khiếu kiện xử phạt vi phạm hành chính.

Thông tin về vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện là bà Hồ Thị M (có người đại diện theo ủy quyền là bà Trần Thị Thiên H).
- Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 64/2026/HC-ST ngày 23/6/2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Bản án: số 1077 ngày 24/09/2026 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tên bản án: Khiếu kiện hành chính, hành vi hành chính trong việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành, quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Thông tin về vụ án:

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân quận B (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T).

- Sửa bản án hành chính sơ thẩm số 916/2022/HC-ST ngày 24/6/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn T và bà Nguyễn Thị L H.

Bản án: số 1085 ngày 25/09/2026 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tên bản án: Khiếu kiện hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án:

- Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Trương Minh T. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 49/2025/HC-ST ngày 21/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đ).
- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Minh T về yêu cầu: Hủy Quyết định số: 2104/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án tái định cư và giải quyết nơi ở cho các hộ dân thuộc diện giải tỏa - đợt 25.

Bản án: số 434 ngày 26/09/2026 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội

Tên bản án: Khiếu kiện hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Nguyễn Thị Ngọc Bích - Ủy ban nhân dân quận Ngô Quyền - Khiếu kiện quyết định hành chính.

Bản án: số 311 ngày 29/09/2026 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng

Tên bản án: Khiếu kiện hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Quyết định giải quyết khiếu nại về đất đai.

Bản án: số 1097 ngày 30/09/2026 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành

phố Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: Khiếu kiện hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015:

- Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ H1, ông Phạm Hoàng A, ông Phạm Hoàng C, ông Phạm Hoàng C1 và ông Phạm Hoàng H2
- Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 121/2025/HC-ST ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

3.2. Luật Dân sự

Bản án: số 1034 ngày 21/09/2026 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tên bản án: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Thông tin về vụ/việc: Không chấp nhận kháng cáo của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bản án: số 1037 ngày 21/09/2026 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tên bản án: Tranh chấp về thừa kế tài sản.

Thông tin về vụ/việc: Tranh chấp chia thừa kế tài sản, hợp đồng tín dụng, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Đặng Thị Anh T - Đặng Thị Anh T2. Chấp nhận một phần kháng cáo. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm.

Bản án: số 1048 ngày 23/09/2026 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tên bản án: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Thông tin về vụ/việc: Sửa bản án sơ thẩm.

Bản án: số 1053 ngày 24/09/2026 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tên bản án: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Thông tin về vụ/việc: Hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Bản án: số 1056 ngày 24/09/2026 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tên bản án: Tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản.

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản

Thông tin về vụ/việc: Chấp nhận một phần kháng cáo, hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm

Bản án: số 1061 ngày 25/09/2026 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tên bản án: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Thông tin về vụ/việc: Sửa Bản án dân sự sơ thẩm

Bản án: số 1069 ngày 28/09/2026 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tên bản án: Tranh chấp về thừa kế tài sản.

Thông tin về vụ/việc: Bà Nguyễn Thu L kiện Ông Nguyễn Trung T về việc: “Tranh chấp thừa kế tài sản”. Tuyên xử Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Trung Q; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 321/2026/DS-ST ngày 06/7/2026 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án: số 309 ngày 29/09/2026 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng

Tên bản án: Tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản.

Thông tin về vụ/việc: Yêu cầu công nhận thỏa thuận tặng cho quyền sử dụng đất, công nhận quyền sở hữu nhà, đất

3.3. Luật Hình sự

Bản án: số 793 ngày 21/09/2026 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tên bản án: Chu Duy H cùng đồng phạm - lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015).

Thông tin về vụ án:

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 558/2026/TLPT-HS, ngày 12 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo Phạm Thị Thu P phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.
- Bản án hình sự sơ thẩm số 444/2026/HS-ST ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra Quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm.

Bản án: số 753 ngày 22/09/2026 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội

Tên bản án: Tô Văn Dũng buôn lậu (điều 188 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015).

Thông tin về vụ án: Buôn lậu.

Bản án: số 401 ngày 23/09/2026 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng

Tên bản án: Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản - lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015).

Thông tin về vụ án: Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Bản án: số 407 ngày 24/09/2026 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng

Tên bản án: Hồ Văn V, - chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự (điều 304 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015).

Thông tin về vụ án:

- Chấp nhận một phần kháng nghị số 14/QĐ-VKSTPĐN-P2 ngày 29/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng.
- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Hồ Văn V, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2026/HS-ST ngày 16/7/2026 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về chuyển

Bản án: số 814 ngày 24/09/2026 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tên bản án: Chu Thị Thanh T cùng đồng phạm - mua bán trái phép chất ma túy (điều 251 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015).

Thông tin về vụ án:

- Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Dương Thế Đ và bị cáo Huỳnh Hữu P;
- Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần Di chuyển Xanh và Thông minh GSM - Chi Nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2026/HS-ST ngày 29/7/2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh về hình phạt đối với bị cáo Đ, bị cáo P và xử lý vật chứng, như sau:

+ Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; điểm i khoản 1 Điều 249 (đối với bị cáo Đ); điểm r, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: - Bị cáo Dương Thế Đ 20 (hai mươi) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Dương Thế Đ phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 22 (hai mươi hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/02/2025. - Bị cáo Huỳnh Hữu P 20 (hai mươi) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/02/2025.

+ Xử lý vật chứng: trả lại cho Công ty Cổ phần Di chuyển Xanh và Thông minh GSM - Chi Nhánh Thành phố Hồ Chí Minh 01 xe ô tô hiệu VinFast, biển kiểm soát số 50H-567.55.

Bản án: số 822 ngày 24/09/2026 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tên bản án: Nguyễn Minh Tr - giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015).

Thông tin về vụ án: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Huỳnh Tiến Đ.
Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 55/2026/HS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đối với phần hình phạt của bị cáo Huỳnh Tiến Đ.

Bản án: số 410 ngày 25/09/2026 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng

Tên bản án: Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép - tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép (điều 348 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015).

Thông tin về vụ án: Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép.

Bản án: số 846 ngày 29/09/2026 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tên bản án: Quách Hoàng Trung Hiếu lừa đảo chiếm đoạt tài sản - lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015).

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Trung Kiên; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau.

Bản án: số 815 ngày 30/09/2026 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội

Tên bản án: Nguyễn Văn Tiến Dũng - lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Bản án: số 860 ngày 30/09/2026 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tên bản án: Nguyễn Lê Ngọc Minh C - giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015).

Thông tin về vụ án: Bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Bản án: số 862 ngày 30/09/2026 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tên bản án: Lữ Hồng P và Trần Thị Minh T: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản - lừa đảo chiếm

đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015).

Thông tin về vụ án:

Căn cứ điểm b, đ khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo Lữ Hồng P và Trần Thị Minh T.;
- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Lữ Hồng P và Trần Thị Minh T về việc miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch;
- Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 162/2026/HS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Nai về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch;
- Tuyên bố: Các bị cáo Lữ Hồng P và Trần Thị Minh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.